

Bản án số: 474/2024/DS-ST
Ngày: 24-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Như Oanh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương S, sinh năm 1980.

Thường trú: Số F L, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Đinh T, sinh năm 1987.
- Hoặc Ông Trần Văn T1, sinh năm 1984.

Cùng thường trú: A L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ liên hệ: I N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông T1 có mặt, ông T vắng mặt).

2. *Bị đơn:*

- Ông Nguyễn H, sinh năm 1973.
- Bà Nguyễn Thu H1, sinh năm 1975.

Cùng thường trú: B ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.
(ông H và bà H1 vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Diệp Đ, sinh năm 1985.

Thường trú: Số A V, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 91 N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh
(bà Đ có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương S có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn T1 hoặc ông Đinh T trình bày:

Ông Dương S và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thu H1 có quen biết nhau từ trước. Do biết và tin tưởng ông H, bà H1 làm ăn lớn, có uy tín nên ông S tin tưởng cho ông H, bà H1 vay tiền để bổ sung vốn kinh doanh, xây dựng nhà xưởng. Cụ thể, ngày 16/5/2023, ông H và bà H1 vay của ông S số tiền 12.300.000.000 đồng (mười hai tỷ ba trăm triệu đồng) với lãi suất 3%/tháng. Hai bên thỏa thuận trả tiền lãi vào ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng. Ông H và bà H1 cam kết hoàn trả số tiền gốc và lãi vay thời hạn trước ngày 30/7/2023. Tuy nhiên đến hạn, ông H và bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận mà cố tình né tránh. Mặc dù ông S đã nhiều lần tới nhà ông H, bà H1 yêu cầu trả nợ nhưng ông H, bà H1 không có thiện chí trả nợ, cố tình tránh mặt.

Do quen biết với tin tưởng uy tín của ông H, bà H1 nên khi cho vay, hai bên chỉ thỏa thuận ông H và bà H1 viết biên nhận (nhận tiền) mượn tiền để ngày 16/5/2023 chứ không cầm cố hay bảo đảm khoản vay bằng bất cứ hình thức nào, ông S không cầm giữ bất kỳ tài sản hay giấy tờ gì của ông H và bà H1.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho đến nay, ông H và bà H1 chưa thanh toán số tiền gốc, lãi nào cho ông S.

Ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thu H1 phải trả cho ông Dương S và bà Diệp Đ (vợ ông S) số tiền nợ gồm: Tiền gốc 12.300.000.000 đồng (mười hai tỷ ba trăm triệu đồng); tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.6%/tháng trên nợ gốc (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) từ ngày vay đến ngày trả xong nợ gốc. Tiền lãi tạm tính từ ngày 16/5/2023 đến ngày 16/3/2024 là 12.300.000.000 đồng * 1.6%/tháng * 10 tháng = 1.968.000.000 đồng (một tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/3/2024 là 14.268.000.000 đồng (mười bốn tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thu H1 trả ngay một lần hết số nợ ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp chậm trả thì từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, yêu cầu ông H và bà H1 phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1.6%/tháng.

Số tiền 12.300.000.000 đồng (mười hai tỷ ba trăm triệu đồng) ông S cho ông H và bà H1 vay là tài sản chung của vợ chồng ông Dương S và bà Diệp Đ trong thời kỳ hôn nhân.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thu H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H, bà H1 vắng mặt không có lý do.

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Diệp Đ trình bày:

Bà thống nhất toàn bộ ý kiến và yêu cầu của ông Dương S trong vụ án. Số tiền 12.300.000.000 đồng (mười hai tỷ ba trăm triệu đồng) cho ông H và bà H1 vay là tài sản chung của vợ chồng ông bà trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thu H1 phải trả cho ông Dương S và bà Diệp Đ số tiền nợ gồm: Tiền gốc 12.300.000.000 đồng (mười hai tỷ ba trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.6%/tháng trên nợ gốc (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) từ ngày vay đến ngày trả xong nợ gốc. Tiền lãi tạm tính từ ngày 16/5/2023 đến ngày 16/3/2024 là $12.300.000.000 \text{ đồng} \times 1.6\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 1.968.000.000 \text{ đồng}$ (một tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu đồng). Tổng cộng gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/3/2024 là 14.268.000.000 đồng (mười bốn tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thu H1 trả ngay một lần hết số nợ ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp chậm trả thì từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, yêu cầu ông H và bà H1 phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1.6%/tháng.

- Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương S là ông Trần Văn T1 trình bày:

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thu H1 phải trả cho ông Dương S và bà Diệp Đ (vợ ông S) số tiền nợ gồm: Tiền gốc 12.300.000.000 đồng (mười hai tỷ ba trăm triệu đồng); tiền lãi theo mức lãi suất là 1.6%/tháng trên nợ gốc (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) từ ngày vay 16/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2024 là $12.300.000.000 \text{ đồng} \times 1.6\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng} = 2.755.200.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 24/7/2024 là 15.055.200.000 đồng (mười lăm tỷ không trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

Yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thu H1 thi hành ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 25/7/2024 đến khi thi hành án xong số tiền nợ nêu trên, đề nghị buộc ông H và bà H1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1.6%/tháng trên nợ gốc.

- Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông **Nguyễn Văn H**, bà **Nguyễn Thu H1** vắng mặt.

- Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Diệp Đ** trình bày: Thống nhất toàn bộ ý kiến và yêu cầu tại phiên tòa của phía nguyên đơn ông **Dương S**. Cụ thể:

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Nguyễn Văn H** và bà **Nguyễn Thu H1** phải trả cho ông **Dương S** và bà **Diệp Đ** số tiền nợ gồm: Tiền gốc 12.300.000.000 đồng (mười hai tỷ ba trăm triệu đồng); tiền lãi theo mức lãi suất là 1.6%/tháng trên nợ gốc (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) từ ngày vay 16/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/7/2024 là $12.300.000.000 \text{ đồng} * 1.6\%/\text{tháng} * 14 \text{ tháng} = 2.755.200.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 24/7/2024 là 15.055.200.000 đồng (mười lăm tỷ không trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

Yêu cầu buộc ông **Nguyễn Văn H** và bà **Nguyễn Thu H1** thi hành ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 25/7/2024 đến khi thi hành án xong số tiền nợ nêu trên, đề nghị buộc ông **H** và **H1** còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1.6%/tháng trên nợ gốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí dân sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn ông **Dương S** khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **Nguyễn Văn H** và bà **Nguyễn Thu H1** phải trả số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Bị đơn ông **Nguyễn Văn H** và bà **Nguyễn Thu H1** cùng cư trú tại **xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bị đơn ông **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Thu H1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự vắng mặt trong vụ án.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Biên nhận (nhận tiền) mượn tiền đề ngày 16/5/2023 do ông **Dương S** giao nộp thể hiện nội dung ông **Nguyễn Văn H** và bà **Nguyễn Thu H1** ký hợp đồng vay tiền của ông **Dương S** số tiền gốc là 12.300.000.000 đồng (mười hai tỷ ba trăm triệu đồng), mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, xây dựng nhà xưởng; lãi suất 3% trên tổng số tiền gốc mỗi tháng, tiền lãi trả vào ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, ông **H** bà **H1** cam kết trả lại cho ông **S** số tiền gốc và lãi trước ngày 30/7/2023.

Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Chủ thể, mục đích và nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi đến hạn thanh toán, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 280, Điều 466, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

Về số tiền nợ gốc: 12.300.000.000 đồng (mười hai tỷ ba trăm triệu đồng) là phù hợp và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền lãi:

Căn cứ theo hợp đồng hai bên ký và theo trình bày của nguyên đơn thì khi cho vay, hai bên thỏa thuận lãi suất 3% mỗi tháng trên tổng số tiền gốc. Từ đó đến nay, bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền lãi nào.

Khoản 1 Điều 468 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.”

“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

...

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Xét thấy lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tiền lãi trong hạn, quá hạn trên nợ gốc với mức lãi suất 1.6%/tháng từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 14 tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ thể tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn bằng 12.300.000.000 đồng * 1.6%/tháng * 14 tháng = 2.755.200.000 đồng (hai tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 24/7/2024 là 15.055.200.000 đồng (mười lăm tỷ không trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền gốc phải thi hành án theo mức lãi suất 1.6%/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Dương S và bà Diệp Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thu H1 phải trả nợ cho vợ chồng ông bà là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 117, khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 35 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông **Dương S**:

Buộc bị đơn ông **Nguyễn Văn H** và bà **Nguyễn Thu H1** trả cho ông **Dương S** và bà **Diệp Đ** số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 24/7/2024 là 15.055.200.000 đồng (mười lăm tỷ không trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng) (trong đó, nợ gốc là 12.300.000.000 đồng (mười hai tỷ ba trăm triệu đồng, tiền lãi là 2.755.200.000 đồng (hai tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng). Thi hành ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông **Nguyễn Văn H** và bà **Nguyễn Thu H1** còn phải chịu tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1.6%/tháng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông **Nguyễn Văn H** và bà **Nguyễn Thu H1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 123.055.200 đồng (một trăm hai mươi ba triệu không trăm năm mươi lăm ngàn hai trăm đồng).

2.2. Hoàn trả cho ông **Dương S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.888.000 đồng (sáu mươi triệu tám trăm tám mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017071 ngày 06/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Hóc Môn;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**